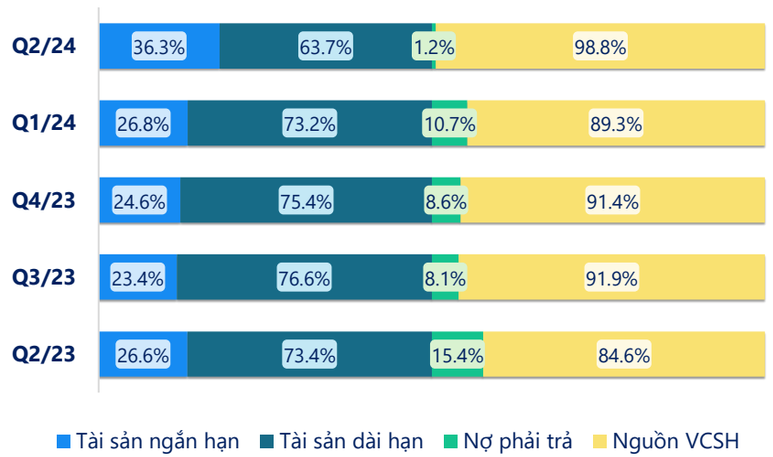
FireAnt

CTCP Thaiholdings (HNX: THD)

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	34,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	37,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	34,700
SL cổ phiếu LH	384,999,972
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,115
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13,436
P/E	77.6
EPS	450

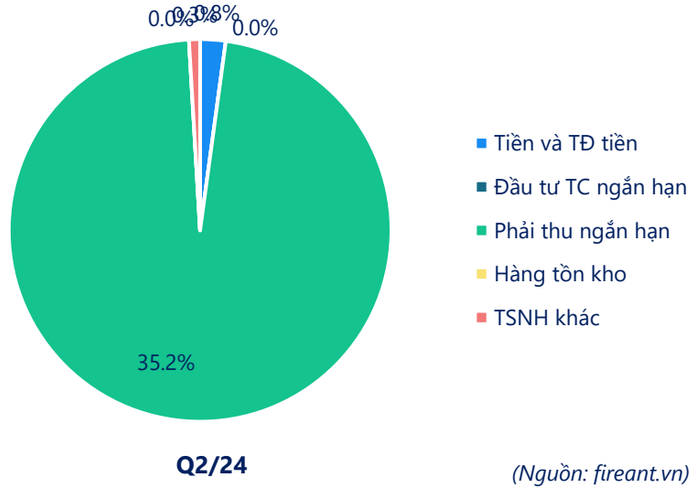
	YTD	1T	3T	6T
THD	-0.9%	-1.1%	-0.6%	-1.4%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%

Cơ cấu Tổng tài sản



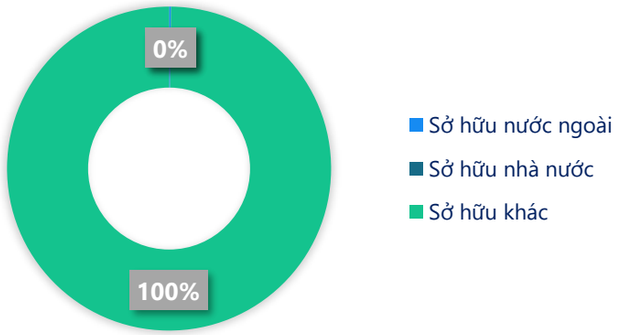
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



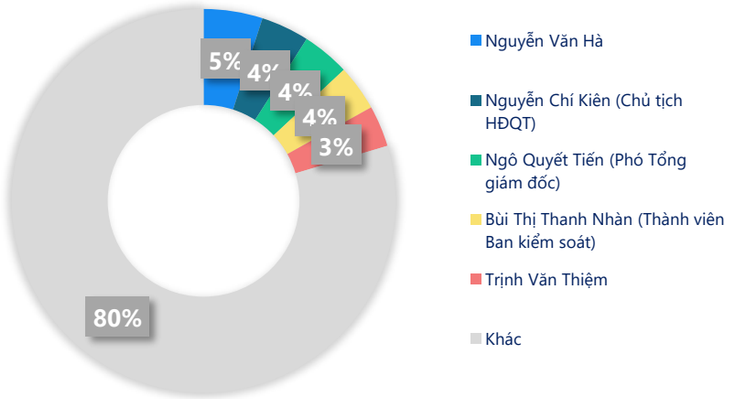
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



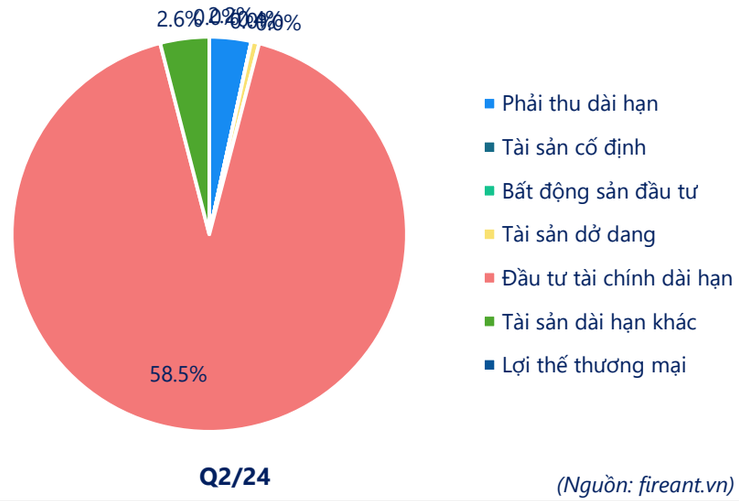
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

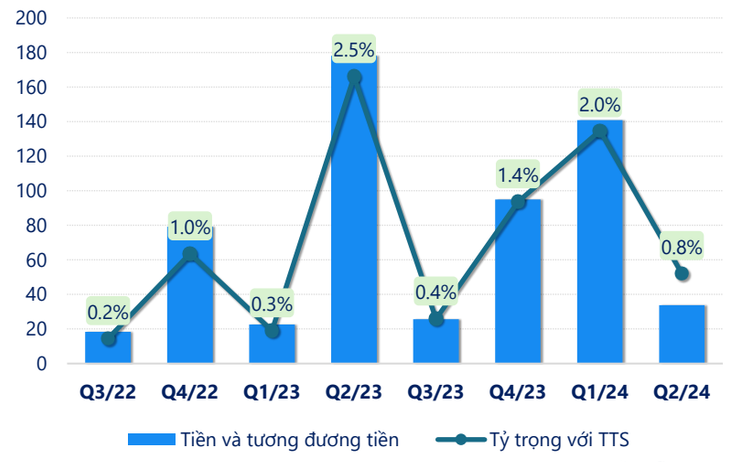


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

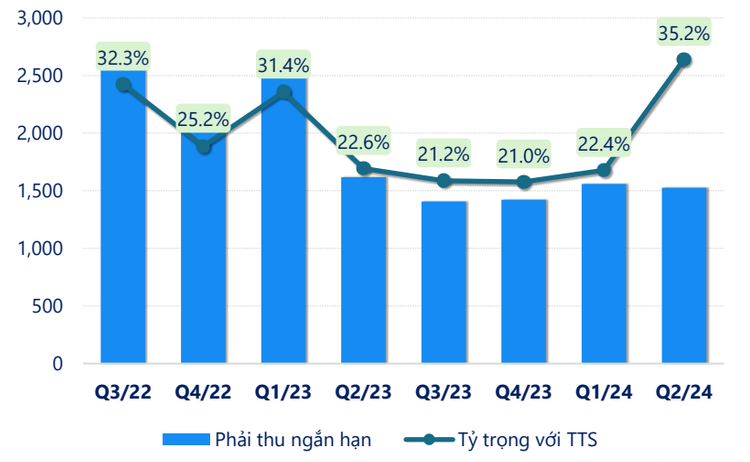
CTCP Thaiholdings (HNX: THD)

Tiền và tương đương tiền



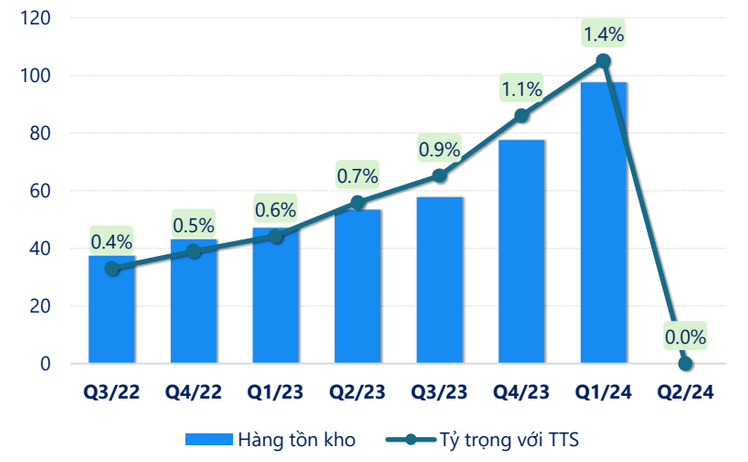
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



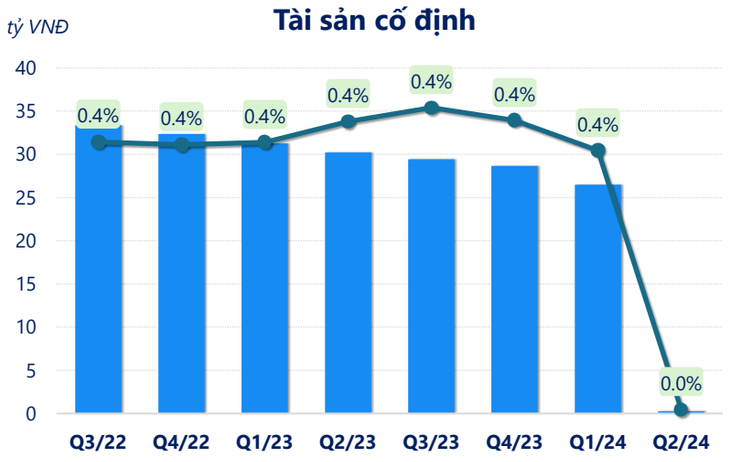
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



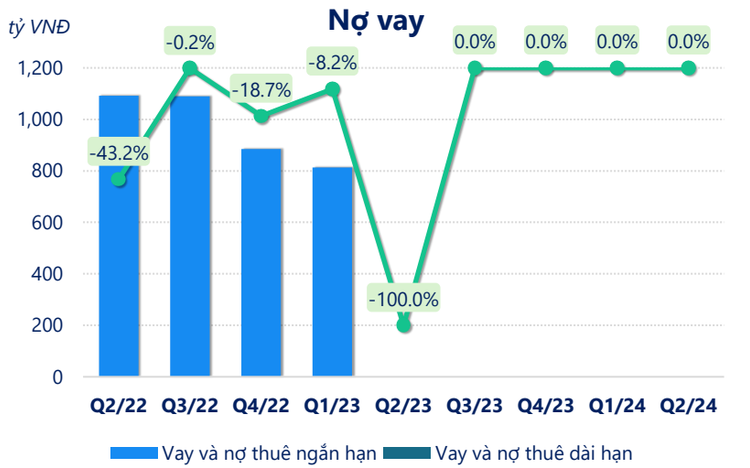
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



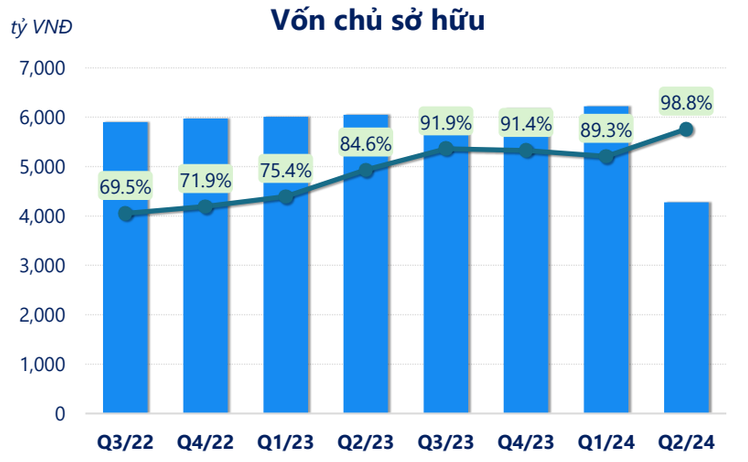
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

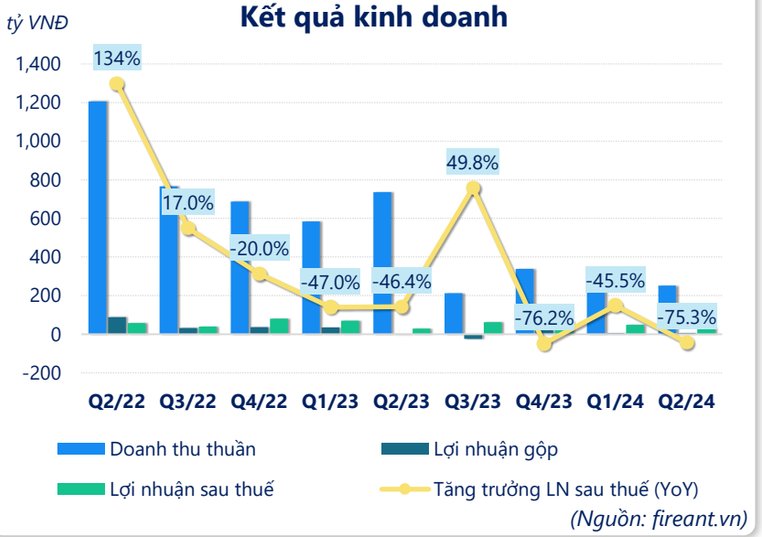


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

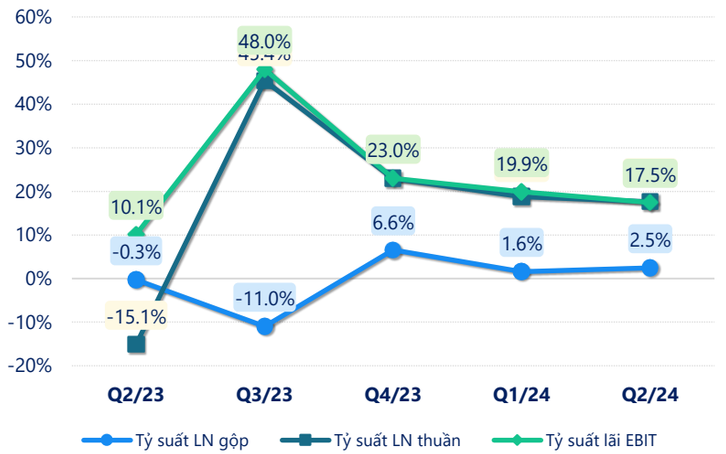
CTCP Thaiholdings (HNX: THD)

Kết quả kinh doanh



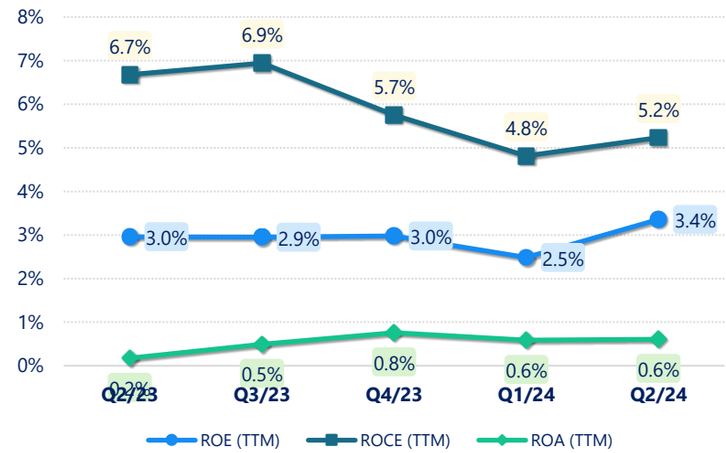
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



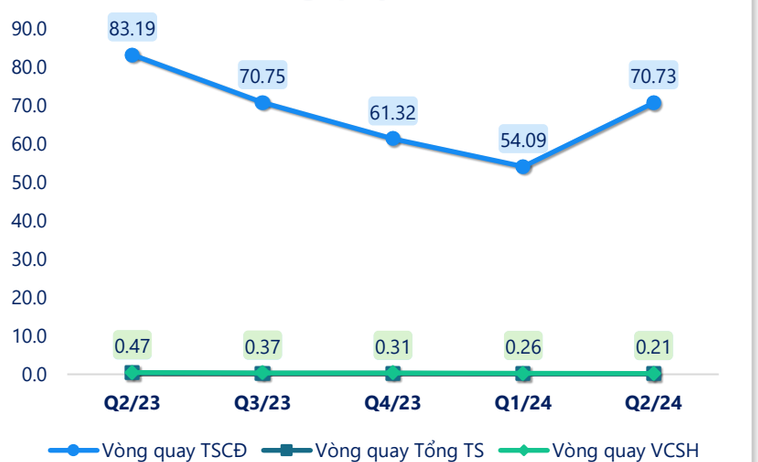
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



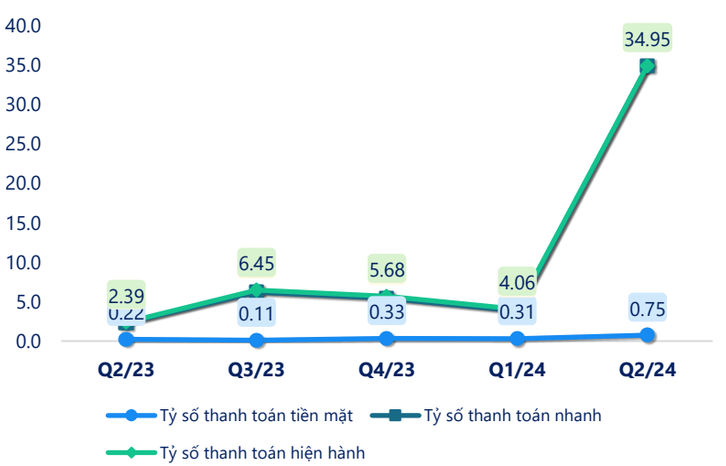
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



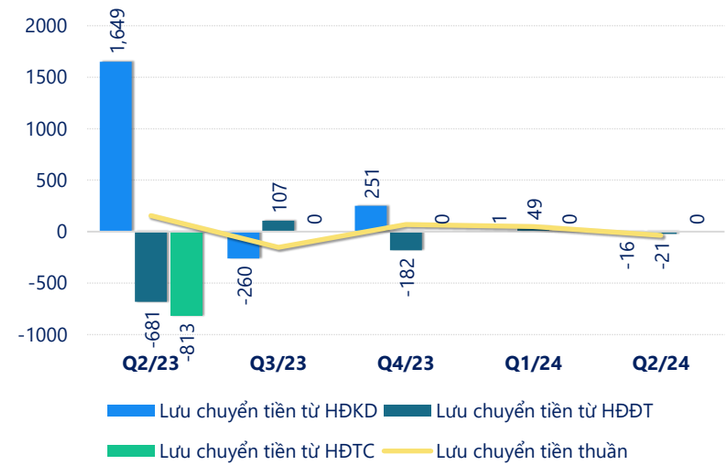
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Thaiholdings (HNX: THD)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,330**	**6,756**	**-35.9%**
Tài sản ngắn hạn	1,573	1,660	-5.3%
Tiền và tương đương tiền	33.9	91.1	-62.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	45.1	-100%
Phải thu ngắn hạn	1,525	1,421	7.3%
Hàng tồn kho	0	77.6	-100%
Tài sản ngắn hạn khác	14.7	25.7	-42.9%
Tài sản dài hạn	**2,756**	**5,095**	**-45.9%**
Phải thu dài hạn	94.0	712	-86.8%
Tài sản cố định	0.26	28.7	-99.1%
Bất động sản đầu tư	0	105	-100%
Tài sản dở dang	17.9	240	-92.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,534	1,280	98.0%
Tài sản dài hạn khác	**110**	**1,353**	**-91.8%**
Lợi thế thương mại	0	1,377	-100%
Nợ phải trả	53.2	584	-90.9%
Nợ ngắn hạn	**45.0**	**294**	**-84.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	13.7	66.8	-79.5%
Nợ dài hạn	8.22	291	-97.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,276**	**6,172**	**-30.7%**
Vốn chủ sở hữu	**4,276**	**6,172**	**-30.7%**
Vốn điều lệ	3,850	3,850	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	736	212	338	276	251
Giá vốn hàng bán	738	236	316	271	245
Lợi nhuận gộp	-2.34	-23.3	22.2	4.42	6.16
Doanh thu HĐTC	13.5	224	47.8	26.4	35.6
Chi phí TC	19.2	0	3.24	0.10	-10.0
Chi phí lãi vay	17.2	0	0.03	0	0
LN trong công ty LKLD	14.9	11.1	17.4	30.9	0
Chi phí bán hàng	0.79	0.19	0.24	0.15	0.51
Chi phí QLDN	117	115	6.28	9.79	7.07
LN thuần từ HĐKD	-111	96.3	77.7	51.8	44.2
Lợi nhuận khác	168	5.53	0.09	3.06	-0.39
LN trước thuế	57.2	102	77.8	54.8	43.8
Lợi nhuận sau thuế	29.7	61.9	67.5	49.3	35.0
LNST của CĐ cty mẹ	13.7	37.5	57.1	43.6	35.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,649	-260	251	0.79	-15.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-681	107	-182	48.9	-21.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-813	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	22.7	178	25.7	91.1	70.6
Lưu chuyển tiền thuần	**156**	**-152**	**69.2**	**49.7**	**-36.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	178	25.7	95.0	141	33.9

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic